

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:65/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 12- 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Thu và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Minh S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh T

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hải V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

(Anh S, chị V đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Minh S trình bày:

Anh S tự nguyện kết hôn với chị Nguyễn Thị Hải V ngày 02/5/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Tại thời điểm đó, anh đi làm ăn xa, chị V có mâu thuẫn với mẹ anh nên đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn T sinh sống từ đó đến nay. Khi anh trở về nhà, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa lánh. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị V.

Về con chung: Anh S và chị V có 02 con chung là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 14/5/2013 và cháu Lê Minh K, sinh ngày 09/3/2015. Hiện hai cháu đang ở với chị V. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hải V trình bày:

Về hôn nhân: chị V và anh S kết hôn năm 2010 như anh S đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở Hà Nội đến năm 2015 về quê anh S (tại T) sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, trong thời gian anh S đi làm xa nhà, giữa chị và gia đình chồng có mâu thuẫn, anh S không lắng nghe chia sẻ với chị dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng. Kể từ năm 2019, vợ chồng sống ly thân, chị đã cùng các con về thị trấn T sinh sống cho đến nay. Nay anh S xin ly hôn, chị V nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị V và anh S có 02 con chung như anh S đã trình bày. Trong thời gian anh đi làm xa kể từ năm 2015 đến nay, việc trực tiếp chăm sóc con cái đều do chị đảm nhiệm. Nay vợ chồng ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc anh S có đóng góp nuôi con hay không tùy theo quan điểm của anh S, chị không có đề nghị bắt buộc.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Vân trình bày về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị V trình bày trong thời gian 07 năm anh S đi làm tại N, mỗi tháng tiền lương là 1.000 USD. Vì vậy anh S phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng chẵn).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị Hải V.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hải V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bảo A, sinh ngày 14/5/2013; Anh Lê Minh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh K, sinh ngày 09/3/2015. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

+ Về tài sản chung, công sức: Đề nghị HĐXX tách không giải quyết trong vụ án này. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị Hải V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị V có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thị trấn T, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị Hải V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh P ngày 02/5/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S và chị V có những bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn nhau trong sinh hoạt hàng ngày. Anh S và chị V đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị V cùng các con về nhà mẹ đẻ ở thị trấn T, huyện T, tỉnh P sinh sống, không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị V không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh S và chị V đã thỏa thuận thuận tình ly hôn. Xét nên xử công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh S và chị V có 02 con chung là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 14/5/2013 và cháu Lê Minh K, sinh ngày 09/3/2015. Chị V và anh S đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Xét về điều kiện nuôi con: Cả chị V và anh S đều có công việc làm và thu nhập ổn định, đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, nếu giao cả 02 con chung

cho một bên nuôi dưỡng thì bên trực tiếp nuôi dưỡng sẽ gặp khó khăn về kinh tế. Mặc dù anh S đã có thời gian dài thường xuyên đi làm ăn xa, chị V là người trực tiếp chăm sóc các con, tuy nhiên kể từ đó đến nay, anh S vẫn có trách nhiệm cùng với chị V, hàng tháng vẫn gửi tiền để chị V nuôi con. Kể từ khi các cháu sinh ra đến năm 2019, các cháu vẫn cùng chị V sinh sống tại gia đình anh S. Năm 2019 chị V mới đưa con về nhà mẹ đẻ tại thị trấn T sinh sống. Vì vậy xét giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia là phù hợp.

* Về tài sản chung, công sức: Tại phiên tòa, chị V xác định anh S đi làm tại N mỗi tháng được tiền lương là 1.000 USD. Chị đề nghị anh S phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị số tiền trong thời gian 07 năm là 700.000.000đ. Anh S không nhất trí thanh toán cho chị V như yêu cầu của chị V đã đề nghị.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên tòa giải cho đến khi mở phiên tòa, hai bên đều xác định không có tài sản và công sức. Tại phiên tòa chị V có đề nghị anh S phải thanh toán cho chị một phần đối với khoản tiền lương trong thời gian 07 năm của anh S đi làm nhưng chị V không đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu đề nghị của mình có căn cứ. Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để giải quyết yêu cầu của chị V không thể thực hiện ngay tại phiên tòa được, vì vậy HĐXX tách yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, công sức của chị V, không giải quyết trong vụ án này, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự trong vụ việc khác nếu có yêu cầu.

* Về nghĩa vụ chung tài sản (công nợ): Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh S tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị Hải V.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Lê Minh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh K, sinh ngày 09/3/2015; chị Nguyễn Thị Hải V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bảo A, sinh ngày 14/5/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên),

lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng cho bên kia.

Anh S, chị V đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Anh Lê Minh S tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003544 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Hoàn lại cho anh Lê Minh S 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền án phí.

Anh S, chị V có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND thị trấn Thanh Ba.
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thanh Loan

